

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

MST: 5400240573

Địa chỉ: Tầng 15 -Khu B - Toà nhà Sông Đà - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	...	528.420.762.472	510.126.512.026
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	...	8.166.042.149	12.607.583.333
1. Tiền	111	V.01	8.166.042.149	12.607.583.333
2. Các khoản tương đương tiền	112
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.277.200.000	10.277.200.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	...	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	...	328.467.273.998	328.726.769.213
1. Phải thu khách hàng	131	...	285.888.253.095	298.049.783.005
2. Trả trước cho người bán	132	...	35.016.588.199	21.206.414.587
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	11.143.716.585	13.051.855.502
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	...	(3.581.283.881)	(3.581.283.881)
IV. Hàng tồn kho	140	...	149.490.614.929	132.554.470.126
1. Hàng tồn kho	141	V.04	149.490.614.929	132.554.470.126
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	...	32.019.631.396	25.960.489.354
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...	1.340.046.149	79.538.665
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...	11.767.565.870	5.465.358.595
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	...	18.912.019.377	20.415.592.094
B. Tài sản dài hạn	200	...	389.145.355.649	388.559.125.486
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06
4. Phải thu dài hạn khác	214	V.07
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219
II. Tài sản cố định	220	...	358.074.977.467	355.990.071.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	43.626.622.251	52.482.786.438
- Nguyên giá	222	...	135.176.246.827	138.454.574.926
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	...	-91.549.624.576	-85.971.788.488
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09
- Nguyên giá	225
- Giá trị hao mòn lũy kế	226
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.642.323.600	1.650.694.950
- Nguyên giá	228	...	2.175.809.000	2.175.809.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	...	-533.485.400	-525.114.050
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	312.806.031.616	301.856.590.243
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12
- Nguyên giá	241
- Giá trị hao mòn lũy kế	242
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	...	1.515.000.000	1.515.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	1.515.000.000	1.515.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259
V. Tài sản dài hạn khác	260	...	29.555.378.182	31.054.053.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	27.974.682.914	28.293.754.014
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	1.422.883.828	1.527.504.475
3. Tài sản dài hạn khác	268	...	157.811.440	1.232.795.366
Tổng cộng tài sản	250	...	917.566.118.121	898.685.637.512

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300	...	761.145.454.097	737.630.754.872
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>	...	<i>521.774.390.576</i>	<i>495.467.492.594</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	165.344.047.132	197.359.135.801
2. Phải trả người bán	312	...	95.449.948.946	88.039.643.757
3. Người mua trả tiền trước	313	...	50.512.542.641	22.061.143.244
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	63.629.642.146	51.090.922.696
5. Phải trả công nhân viên	315	...	20.070.223.098	29.481.602.605
6. Chi phí phải trả	316	V.17	58.639.586.764	51.143.904.807
7. Phải trả nội bộ	317	...		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	...		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	59.643.806.490	48.229.923.527
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...	6.800.435.883	6.800.435.883
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	1.684.157.476	1.260.780.274
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>	...	<i>239.371.063.521</i>	<i>242.163.262.278</i>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...	19.758.270.000	19.758.270.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333	...	184.960.000	199.960.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	206.059.462.982	210.214.230.532
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...	13.368.370.539	11.990.801.746
8. Doanh thu chưa thực hiện				
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	123.769.067.831	128.072.752.956
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	...	<i>123.769.067.831</i>	<i>128.072.752.956</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...	11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...		
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	...		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...	(2.155.808.880)	(2.155.808.880)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	33.239.449.784	32.278.071.112
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	3.771.479.364	3.647.427.677
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	6.986.770.336	12.375.885.820
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	...		
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>	...		
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	...		
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439	V.28	32.651.596.193	32.982.129.684
Tổng cộng nguồn vốn	440		917.566.118.121	898.685.637.512

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản phải trả	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuê ngoài				
Vật tư hàng hoá nhận giữ hội, nhận gia công				
Hàng hoá nhận bán hội, nhận ký gửi				
Nợ khó đòi đã xử lý				
Ngoại tệ các loại				
Hạn mức kinh phí				
Nguồn vốn khấu hao cơ bản				

LẬP BIỂU

Phạm Thị Canh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đàm Trung Kiên

Hà nội, ngày 25 tháng 10 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CP SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 - Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Mễ Trì, Hà Nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2013

Phần I - Lãi, lỗ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	59.927.806.477	51.774.177.104	161.460.952.897	206.268.525.978
2. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	2	...	92.392.667		104.909.288	2.760.109.039
+ Chiết khấu thương mại	4	...				
+ Giảm giá hàng bán	5	...	92.392.667		104.909.288	2.760.109.039
+ Hàng bán bị trả lại	6	...				
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	7	...				
3. Doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ (10=01-	10	...	59.835.413.810	51.774.177.104	161.356.043.609	203.508.416.939
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	45.814.189.765	34.455.187.315	114.982.393.176	138.486.223.216
5. Lợi nhuận gộp BH và cung cấp dịch vụ (20=10-11	20	...	14.021.224.045	17.318.989.789	46.373.650.433	65.022.193.723
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	35.732.778	14.653.435	96.903.099	93.245.574
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5.126.170.680	3.509.308.151	18.904.635.767	27.459.933.911
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	...	5.126.170.680	3.509.308.151	18.904.635.767	27.459.933.911
8. Chi phí bán hàng	24	...				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	...	4.675.853.123	11.124.539.859	15.636.059.747	24.967.176.946
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	...	4.254.933.020	2.699.795.214	11.929.858.018	12.688.328.440
11. Thu nhập khác	31	...	6.684.488	8.511.969	6.684.488	95.054.203
12. Chi phí khác	32	...	1.416.679.463	305.304.067	5.592.574.809	1.928.996.231
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	...	-1.409.994.975	-296.792.098	-5.585.890.321	-1.833.942.028
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41	...				
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+41	50	...	2.844.938.045	2.403.003.116	6.343.967.697	10.854.386.412
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	656.306.879	717.133.922	2.984.588.464	2.894.561.143
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	...			104.620.647	213.361.878
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60	...	2.188.631.166	1.685.869.194	3.254.758.586	7.746.463.391
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	70	...	622.094.577	324.951.514	1.012.542.720	1.396.493.954
20. Lợi ích của Công ty (60-70)	80	...	1.566.536.589	1.360.917.680	2.242.215.866	6.349.969.437
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	...	224	194	320	907

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Canh

Đàm Trung Kiên



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, toà nhà Ông Đà, đường Phạm Hùng, Từ Liêm - Hà nội

Tel: 04.3.7.832.398

Fax: 04.3.7.832.397

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(9 tháng đầu năm 2013 theo phương pháp trực tiếp)

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/9	
			NĂM 2013	NĂM 2012
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và thu khác	01	534.088.748.165	403.442.497.764
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	-49.547.631.290	(67.934.253.122)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	-44.020.963.988	(62.005.603.084)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-19.009.293.207	(26.656.972.590)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-575.485.732	0
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	65.877.985.384	135.165.893.176
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-305.053.641.008	(281.356.438.943)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	181.759.718.324	100.655.123.201
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-40.000.000	-1.200.000.000
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	84.179.085
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	0
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	0
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	96.903.099	78.906.693
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	56.903.099	-1.036.914.222
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.054.426.626	4.339.750.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	0	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.670.000.000	29.683.456.000

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/9	
			NĂM 2013	NĂM 2012
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-195.982.589.233	(146.582.832.951)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-186.258.162.607	-112.559.626.951
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50	(4.441.541.184)	(12.941.417.972)
	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	12.607.583.333	15.250.454.672
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i>		8.166.042.149	2.309.036.700

Hà nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

LẬP BIỂU

Mai Thị Na

Mai Thị Na

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đàm Trung Kiên

Đàm Trung Kiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan, bao gồm: Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình, Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí ôxy.
- Tổng số các công ty con** : 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	93%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	69%	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty mẹ và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty mẹ và các công ty con sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Tài sản cố định khác

Số năm

05 - 06

05 - 10

06 - 10

03 - 08

2,5

7. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng..

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần diện tích đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 3% trên doanh thu các công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành và có mức độ rủi ro cao.

Các hợp đồng có rủi ro lớn

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ và các công ty con phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty mẹ và các công ty con gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty mẹ và các công ty con sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty mẹ và các công ty con:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.561.974.103	1.704.365.039
Tiền gửi ngân hàng	2.604.068.046	10.903.218.294
Cộng	8.166.042.149	12.607.583.333

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		10.277.200.000		10.277.200.000

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Sông Đà 7	3.045.134.212	1.829.551.695
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	1.232.000.000	1.232.000.000
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	6.143.301.295	6.143.301.295
Phải thu khác	64.058.333	2.397.578.082
Cộng	659.222.745	1.449.424.430
	11.143.716.585	13.051.855.502

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.429.666.914	6.170.059.064

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	807.778.037	677.217.498
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	140.252.720.742	125.707.193.564
Cộng	<u>149.490.614.929</u>	<u>132.554.470.126</u>
 5. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	18.663.593.377	17.748.137.244
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	248.426.000	2.667.454.850
Cộng	<u>18.912.019.377</u>	<u>20.415.592.094</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.324.949.244	80.839.811.591	34.433.627.559	3.856.186.532	138.454.574.926
Tăng do mua sắm mới		136.000.000			136.000.000
		-2.432.633.173		-981.694.926	-3.414.328.099
Giảm do phân loại theo TT45/BTC	19.324.949.244 (78.543.178.418 (34.433.627.559 (2.874.491.606 (135.176.246.827
Số cuối kỳ	7.188.636.391	17.624.540.320	7.163.453.566	585.031.269	32.561.661.546
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.883.000.825	48.531.399.542	26.800.996.752	1.756.391.369	85.971.788.488
Tăng trong kỳ do khấu hao	1.119.763.974	5.391.643.764	1.635.830.845	549.117.392	8.696.355.975
		-2.464.096.042		-654.423.846	-3.118.519.888
Giảm do phân loại theo TT45/BTC	10.002.764.799 (51.458.947.264 (28.436.827.597 (1.651.084.915 (91.549.624.575
Số cuối kỳ	10.441.948.419	32.308.412.049	7.632.630.807	2.099.795.163	52.482.786.438
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.322.184.445 (27.084.231.154 (5.996.799.962 (1.223.406.691 (43.626.622.252
Số cuối kỳ					

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 40.739.689.387 VND và 14.271.701.005 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Tăng trong kỳ				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	<u>1.620.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>55.809.000</u>	<u>2.175.809.000</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		500.000.000	25.114.050	525.114.050
Khấu hao trong kỳ			8.371.350	8.371.350
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ		<u>500.000.000</u>	<u>33.485.400</u>	<u>533.485.400</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>1.620.000.000</u>		30.694.950	1.650.694.950
Số cuối kỳ	<u>1.620.000.000</u>	<u>0</u>	<u>22.323.600</u>	<u>1.642.323.600</u>

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	74.000.000	131.582.400	136.000.000	69.582.400
XDCB dở dang	301.782.590.243	10.699.043.473		312.481.633.716
Công trình thủy điện Nậm Ly	110.495.195.105	1.662.723.310		112.198.952.051
Công trình thủy điện Bắc Giang	191.246.361.502	9.036.320.163		200.241.648.029
Trụ sở văn phòng Hà Giang	41.033.636			41.033.636
Sửa chữa TSCĐ		254.815.500		167.210.000
Cộng	<u>301.856.590.243</u>	<u>11.085.441.373</u>	<u>136.000.000</u>	<u>312.806.031.616</u>

9. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm		365.000.000		365.000.000
Cộng		<u>1.515.000.000</u>		<u>1.515.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
			116.512.023	8.233.516.252
Tiền thuê đất Xưởng cơ khí Đà Nẵng	8.350.028.275			
Công cụ dụng cụ	30.656.572	263.818.680	60.629.173	262.273.579
Sửa chữa văn phòng	161.157.353		92.677.410	68.479.943
Tiền thuê văn phòng	19.723.484.314		313.071.174	19.410.413.140
Cộng	28.265.326.514 0	263.818.680 0	582.889.780 0	27.974.682.914

11. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	121.757.125.942	147.475.767.094
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	121.757.125.942	129.989.820.040
Chi nhánh Hòa Bình		3.121.231.267
Ngân hàng TMCP An Bình		
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Chi nhánh Hoàng Quốc Việt		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		13.778.235.615
Chi nhánh Hà Nội		
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu		586.480.172
Chi nhánh Hà Nội		
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	42.756.296.190	42.203.903.847
Vay dài hạn đến hạn trả	830.625.000	7.679.464.860
Cộng	165.344.047.132	197.359.135.801

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội	37.286.380.347	9.740.391.931	1.908.166.273	45.118.606.005
Thuế GTGT hàng nhập		3.758.632	3.758.632	0
Thuế thu nhập doanh	11.610.635.893	2.984.588.463	575.485.732	14.019.738.624
Thuế nhà đất		2.319.454.921	142.323.500	2.177.131.421
Thuế thu nhập cá nhân	2.193.906.456	217.977.190	977.175.500	2.314.166.096
Các loại thuế khác		20.000.000	20.000.000	0
Cộng	51.090.922.696 0	15.286.171.137 0	2.747.451.687 0	63.629.642.146

Thuế giá trị gia tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Hoạt động thương mại	5%; 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.343.967.697	10.854.386.412
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.058.465.947	258.325.588
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.020.924.585	2.017.773.533
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.786.016.682	742.134.254
Lỗ của Các Công ty con	4.234.907.903	1.275.639.279
- Các khoản điều chỉnh giảm	-4.962.458.638	-1.293.915.372
Lãi đã thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	-418.482.585	-853.447.512
Trích lập dự phòng khoản đầu tư và Công ty con	-4.543.976.053	-440.467.860
Tổng thu nhập chịu thuế	6.239.146.654	11.578.244.573
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	8.402.433.644	11.578.244.573
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.100.607.411	2.894.561.143
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	883.981.653	2.894.561.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.984.589.064	

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	36.712.884.278	30.882.940.272
Phải trả các nhà thầu phụ về KLXL	17.887.903.571	15.600.188.506
Phải trả các khoản khác	4.038.798.915	4.660.776.029
Cộng	58.639.586.764	51.143.904.807

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	3.621.364.036	3.266.295.901

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXX, BHYT, BHTN	19.668.358.681	16.865.783.013
Cổ tức phải trả	19.347.197.960	11.944.697.960
Tổng Công ty Sông Đà	2.383.354.456	3.009.875.233
Quỹ tự nguyện	104.684.499	104.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	243.310.428	427.338.003
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào		300.000.000
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Tiền sử dụng đất	1.579.214.224	2.684.406.364
Chi phí phạt thuế + lãi chậm nộp BHXX	6.420.196.795	
Các khoản phải trả khác	5.126.125.411	8.476.842.554
Cộng	59.643.806.490	48.229.923.527

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng bảo hành các công trình Thủy điện như Nậm Chiến, Nậm Khánh, Sứ Pán 2...có thời gian bảo hành là 12 tháng. Mức trích dự phòng từ 1 -3% doanh thu của hạng mục công trình được nghiệm thu.

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.391.503.190	6.746.270.740
Chi nhánh Hoà Bình ⁽ⁱ⁾		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	127.591.970.171	127.591.970.171
Chi nhánh Lạng Sơn ⁽ⁱⁱ⁾		
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	74.444.864.621	74.244.864.621
Chi nhánh Hà Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	478.000.000	478.000.000
Chi nhánh Hà Nội ^(iv)		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	1.153.125.000	1.153.125.000
Chi nhánh Hà Nội ^(v)		
Cộng	206.059.462.982	210.214.230.532

18. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	11.143.181.584	9.765.612.791
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955	2.225.188.955
Cộng	13.368.370.539	11.990.801.746

19. Vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm	Lợi nhuận trong kỳ này	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000				70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227				11.927.177.227
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-2.155.808.880				-2.155.808.880
Quỹ đầu tư phát triển	32.278.071.112		961.378.672		33.239.449.784
Quỹ dự phòng tài chính	3.647.427.677		124.051.687		3.771.479.364
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.375.885.820	2.242.215.866	-7.633.533.732	2.202.382	6.986.770.336
Cộng	128.072.752.956	2.242.215.866	-6.548.103.373	2.202.382	123.769.067.831

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	81.927.177.227	81.927.177.227

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

20. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		32.982.129.684	22.056.073.338
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.012.542.720	1.396.493.954
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong kỳ			10.000.000.000
Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số		-1.102.500.000	-1.427.247.500
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		-238.373.829	-354.171.788
Thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số		-2.202.382	-12.792.579

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số cuối kỳ

32.651.596.19331.658.355.424**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	161.460.952.897	206.268.525.978
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu bán thành phẩm		6.304.191.523
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	159.997.196.020	199.964.334.457
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	1.463.756.877	2.760.109.039
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-104.909.288	(2.760.109.039)
Giảm giá hàng bán	-104.909.288	(2.760.109.039)
Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần	161.356.043.609	203.508.416.939
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm		6.304.191.523
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	159.892.286.732	199.964.334.457
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	1.463.756.877	1.114.007.882

2. Giá vốn hàng bán

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp		1.979.015.041
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	113.579.733.072	136.507.208.175
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	1.402.660.104	
Cộng	114.982.393.176	138.486.223.216

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	96.903.099	89.391.864
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		3.853.710
Cộng	96.903.099	93.245.574

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.904.635.767	27.657.993.911
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		6.167.940.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		-6.366.000.000
Cộng	18.904.635.767	27.459.933.911

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.937.818.325	12.667.743.323
Chi phí vật liệu quản lý	641.148.829	888.843.499
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.961.339	279.197.906
Chi phí khấu hao TSCĐ	986.011.286	564.477.029
Thuế, phí và lệ phí	27.110.000	182.486.536
Chi phí dự phòng		3.581.283.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.238.094.873	3.334.892.931
Chi phí bằng tiền khác	1.710.915.095	3.468.251.841
Cộng	15.636.059.747	24.967.176.946

6. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.650.946.618	1.237.049.498
Lãi chậm nộp BHXH	1.871.628.191	691.204.301
Chi phí khác		742.432
Phạt hành chính về vi phạm môi trường	70.000.000	
Cộng	5.592.574.809	1.928.996.231

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

2. Thông tin về bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty mẹ và các công ty con cung cấp.

Các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực đầu tư xây dựng thủy điện
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí, thí nghiệm, tư vấn thiết kế.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Người lập biểu

Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn